

Bản án số: **28/2025/HNGĐ – ST**

Ngày: 29/9/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Thu S**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn 11, xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- **Bị đơn:** Ông **Trần Chí C**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn 11, xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Võ Thị Thu S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông Trần Chí C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk ngày 19/11/2007. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Đến đầu năm 2025 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không hòa giải được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông C.

Bà Võ Thị Thu S với ông Trần Chí C có 03 con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2007; Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 và Trần Võ Hạ L, sinh ngày 05/02/2020.

Cháu Trần Thanh N đã đủ 18 tuổi nên bà S không yêu cầu giải quyết. Bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Võ Hạ L cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Bà S đồng ý giao con chung Trần Quốc C cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Theo bản tự khai bị đơn ông Trần Chí C trình bày:* Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống với nhau bà Võ Thị Thu S trình bày là đúng. Ông Trần Chí C đồng ý ly hôn.

Ông C và bà S có 03 con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2007; Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 và Trần Võ Hạ L, sinh ngày 05/02/2020. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vợ chồng có nợ Ngân hàng 250.000.000đ và nợ quỹ hộ nghèo 80.000.000đ. Ông C đề nghị bà S có nghĩa vụ trả nợ quỹ hộ nghèo.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu S. Cho bà Võ Thị Thu S được ly hôn với ông Trần Chí C.

- Về con chung: Giao con chung Trần Võ Hạ L, sinh ngày 05/02/2020 cho bà Võ Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Giao con chung Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 cho ông Trần Chí C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Thu S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk giải quyết việc ly hôn, con chung đối với ông Trần Chí C, đơn khởi kiện của bà Võ Thị Thu S được Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu S và ông Trần Chí C tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk ngày 19/11/2007, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Ông Trần Chí C cũng đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Thu S.

Qua xác minh tại địa phương không rõ mâu thuẫn giữa ông C và bà S là gì. Hiện ông C làm nghề nông, bà S làm nghề buôn bán.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu S. Cho bà Võ Thị Thu S được ly hôn với ông Trần Chí C.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Thu S và ông Trần Chí C có 03 con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2007; Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 và Trần Võ Hạ L, sinh ngày 05/02/2020.

Trần Thanh N đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Quốc C trình bày có nguyện vọng ở cùng với bố là ông Trần Chí C. Bà Võ Thị Thu S cũng đồng ý giao con chung Trần Quốc C cho ông Trần Chí C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Trần Võ Hạ L, sinh ngày 05/02/2020 cho bà Võ Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 cho ông Trần Chí C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ:

Nguyên đơn bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông C chỉ có bản tự khai đề nghị bà S trả nợ quỹ hộ nghèo, nhưng không có đơn yêu cầu chia tài sản chung, không nộp tiền tạm ứng án phí và không đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không xem xét, giải quyết ý kiến của ông C.

Trường hợp các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 217, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu S.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu S được ly hôn với ông Trần Chí C.

[2]. Về con chung: Giao con chung Trần Võ Hạ L, sinh ngày 05/02/2020 cho bà Võ Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Giao con chung Trần Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 cho ông Trần Chí C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Trần Chí C, bà Võ Thị Thu S được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông C và bà S không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Võ Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001175, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Nhã Phương